

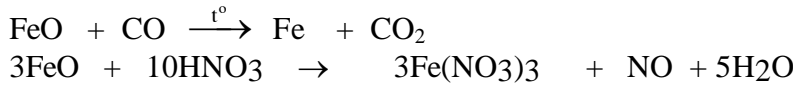
□□ THI M□N HOA 12 TN

- Câu 1:** Este X phản ứng với dung dịch NaOH, đun nóng tạo ra ancol metylic và natri axetat. Công thức cấu tạo của X là
 A. HCOOCH₃. B. CH₃COOC₂H₅. C. CH₃COOCH₃ D. C₂H₅COOCH₃.
- Câu 2:** Hoà tan 5,4 gam Al bằng một lượng dung dịch H₂SO₄ loãng (dư). Sau phản ứng thu được dung dịch X và V lít khí hiđro (ở đktc). Giá trị của V là
 A. 4,48 lít B. 3,36 lít. C. 2,24 lít D. 6,72 lít.
- Câu 3:** Chất có thể dùng để làm mất tính cứng của nước là
 A. Na₂CO₃. B. HCl. C. H₂SO₄ D. Na₂SO₄
- Câu 4:** Cho dãy các kim loại: Fe, W, Hg, Cu. Kim loại trong dãy có nhiệt độ nóng chảy thấp nhất là
 A. Fe B. Hg C. Cu D. W
- Câu 5:** Hợp chất **không** làm đổi màu giấy quỳ tím ẩm là
 A. NH₃ B. CH₃COOH. C. H₂NCH₂COOH D. CH₃NH₂.
- Câu 6:** Cho 15 gam hỗn hợp bột kim loại Zn và Cu vào dung dịch HCl (dư). Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 4,48 lít khí H₂ (đktc) và m gam kim loại không tan. Giá trị của m là
 A. 2,2 B. 8,5 C. 2,0 D. 6,4
- Câu 7:** Để phân biệt dung dịch AlCl₃ và dung dịch KCl ta dùng dung dịch
 A. NaNO₃. B. H₂SO₄ C. HCl. D. NaOH.
- Câu 8:** Chất phản ứng được với axit HCl là
 A. C₆H₅NH₂ B. C₆H₅OH (phenol). C. HCOOH. D. CH₃COOH.
- Câu 9:** Để khử hoàn toàn 8,0 gam bột Fe₂O₃ bằng bột Al (ở nhiệt độ cao, trong điều kiện không có không khí) thì khối lượng bột nhôm cần dùng là
 A. 8,10 B. 2,7 C. 5,4 D. 1,35
- Câu 10:** Nung 21,4 gam Fe(OH)₃ ở nhiệt độ cao đến khối lượng không đổi, thu được m gam một oxit. Giá trị của m là (Cho H = 1, O = 16, Fe = 56)
 A. 14,0 B. 8,0 C. 16,0 D. 12,0
- Câu 11:** Cho dãy các kim loại: Na, Al, W, Fe. Kim loại trong dãy có nhiệt độ nóng chảy cao nhất là
 A. Al B. W C. Fe D. Na
- Câu 12:** Cho dãy các chất: H₂NCH₂COOH, C₆H₅NH₂, C₂H₅NH₂, CH₃COOH. Số chất trong dãy phản ứng được với NaOH trong dung dịch là
 A. 4 B. 3 C. 2 D. 1
- Câu 13:** Chất phản ứng được với dung dịch NaOH tạo kết tủa là
 A. BaCl₂. B. FeCl₃ C. KNO₃. D. K₂SO₄
- Câu 14:** Cho dãy các dung dịch: glucozơ, saccarozơ, etanol, glixerol. Số dung dịch trong dãy phản ứng được với Cu(OH)₂ ở nhiệt độ thường tạo thành dung dịch có màu xanh lam là
 A. 4 B. 2 C. 3 D. 1
- Câu 15:** Cho lòng trắng trứng vào Cu(OH)₂ thấy xuất hiện màu
 A. Đỏ B. Tím C. Vàng D. Đen
- Câu 16:** Cho 1,37 gam kim loại kiềm thổ M phản ứng với nước (dư), thu được 0,01 mol khí H₂. Kim loại

M là

- A. Sr B. Ba C. Ca D. Mg

Câu 17 : Cho phương trình hoá học của hai phản ứng sau:



- A. Chỉ có tính khử. B. Vừa có tính khử vừa có tính oxi hóa
C. Chỉ có tính bazơ D. Chỉ có tính Oxi hóa

Câu 18 : Để loại bỏ kim loại Cu ra khỏi hỗn hợp bột gồm Ag và Cu, người ta ngâm hỗn hợp kim loại trên vào lượng dư dung dịch

- A. $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$ B. $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$. C. AgNO_3 . D. HNO_3 .

Câu 19 : Để phân biệt dung dịch $\text{Cr}_2(\text{SO}_4)_3$ và dung dịch FeCl_2 người ta dùng lượng dư dung dịch

- A. KNO_3 . B. K_2SO_4 . C. NaOH D. NaNO_3 .

Câu 20 : Sau bài thực hành hoá học, trong một số chất thải dạng dung dịch có chứa các ion : Cu^{2+} , Zn^{2+} , Fe^{3+} , Pb^{2+} , Hg^{2+} , ... Dùng chất nào sau đây có thể xử lí sơ bộ các chất thải trên ?

- A. HNO_3 B. Etanol C. Giấm ăn D. Nước vôi dư

Câu 21 : Khi điện phân dung dịch CuCl_2 để điều chế kim loại Cu, quá trình xảy ra ở catot (cực âm) là

- A. $\text{Cl}_2 + 2\text{e} \rightarrow 2\text{Cl}^-$. B. $\text{Cu} \rightarrow \text{Cu}^{2+} + 2\text{e}$ C. $2\text{Cl}^- \rightarrow \text{Cl}_2 + 2\text{e}$ D. $\text{Cu}^{2+} + 2\text{e} \rightarrow \text{Cu}$

Câu 22 : Hòa tan 6,5 gam Zn trong dung dịch axit HCl dư, sau phản ứng cô cạn dung dịch thì số gam muối khan thu được là (Cho H = 1, Zn = 65, Cl = 35,5)

- A. 20,7 B. 27,2 C. 14,69 D. 13,6

Câu 23 : Thuốc thử duy nhất có thể dùng phân biệt hai khí SO_2 và CO_2 là

- A. Dung dịch NaOH B. H_2O C. Dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ D. Dung dịch Br_2

Câu 24 : Trong số các kim loại Na, Mg, Al, Fe, kim loại có tính khử mạnh nhất là

- A. Na B. Al C. Mg D. Fe

Câu 25 : Phản ứng hoá học nào sau đây **không** xảy ra?

- A. $2\text{CH}_3\text{COOH} + 2\text{Na} \rightarrow 2\text{CH}_3\text{COONa} + \text{H}_2$. B. $2\text{C}_2\text{H}_5\text{OH} + 2\text{Na} \rightarrow 2\text{C}_2\text{H}_5\text{ONa} + \text{H}_2$.
C. $\text{C}_6\text{H}_5\text{OH} + \text{CH}_3\text{COOH} \rightarrow \text{CH}_3\text{COOC}_6\text{H}_5 + \text{H}_2\text{O}$ D. $\text{CH}_3\text{COOH} + \text{NaOH} \rightarrow \text{CH}_3\text{COONa} + \text{H}_2\text{O}$

Câu 26 : Chất phản ứng được với dung dịch CaCl_2 tạo kết tủa là

- A. Na_2CO_3 B. $\text{Mg}(\text{NO}_3)_2$. C. HCl. D. NaNO_3 .

Câu 27 : Kim loại phản ứng được với dung dịch NaOH là

- A. Al B. Cu C. Ag D. Fe

Câu 28 : Polivinyl clorua (PVC) được điều chế từ vinyl clorua bằng phản ứng

- A. Trùng ngưng B. Trao đổi. C. Axit - bazơ D. Trùng hợp.

Câu 29 : Polivinyl clorua có công thức là

- A. $(\text{CH}_2 - \text{CHCl})_n$ B. $(\text{CH}_2 - \text{CHBr})_n$ C. $(\text{CH}_2 - \text{CHF})_n$ D. $(\text{CH}_2 - \text{CH}_2)_n$

Câu 30 : Oxit kim loại bị khử bởi khí CO ở nhiệt độ cao là

- A. MgO. B. K_2O C. Al_2O_3 D. CuO

Câu 31 : Chất nào sau đây **không** tham gia phản ứng thủy phân?

- A. Saccarozơ. B. Tinh bột C. Glucozơ D. Protein.

Câu 32 : Cho các chất: dung dịch saccarozơ, glixerol, ancol etylic, natri axetat. Số chất phản ứng được với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ ở điều kiện thường là

PHIẾU SOI - P N (Dành cho giám khảo)

M N : HOA 12 TN

M : 108

01	{) ~	28	{ })		
02	{ })	29	{ })		
03) } ~	30	{ })		
04	{) } ~	31	{) ~		
05	{) ~	32) } ~		
06	{) ~	33) } ~		
07	{ })	34) } ~		
08) } ~	35	{) } ~		
09	{) } ~	36	{ })		
10	{) ~	37	{) } ~		
11	{) } ~	38	{) ~		
12	{) } ~	39) } ~		
13	{) } ~	40) } ~		
14	{) ~				
15	{) } ~				
16	{) } ~				
17	{) } ~				
18	{) ~				
19	{) ~				
20	{ })				
21	{ })				
22	{ })				
23	{ })				
24) } ~				
25	{) ~				
26) } ~				
27) } ~				